

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán
công trình Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 483/TTr-BQLDDCN ngày 06/5/2019 và Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 2069/SXD-QLXD ngày 10/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi.
2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.
4. Địa điểm xây dựng: thửa đất số 459, tờ bản đồ địa chính số 02, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
5. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty TNHH tư vấn và kiểm định xây dựng.
6. Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: KS. Nguyễn Tấn Đức.
7. Đơn vị thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng: Công ty cổ phần quy hoạch đô thị DCD.
8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

8.1. Khối nhà chính:

- Kiến trúc: Công trình cao 6 tầng, chiều cao tầng 1: 3,3m, tầng 2: 4,2m, tầng 3, 4, 5: 3,9m, tầng 6 (tầng tum): 2,8m, tổng chiều cao công trình 23,15m, chân công trình cao 0,15m so với cao trình sân hoàn thiện; giao thông đứng thiết kế 03 thang máy + 03 thang bộ, giao thông ngang thiết kế hành lang giữa kết hợp chỗ đợi rộng 3,3m; nền tầng 1 bê tông đá 1x2 mác 200 dày 200, nền hành lang, các phòng làm việc và khám chữa bệnh lát gạch Granite (600x600)mm, nền khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trượt (300x300)mm, nền phòng cấp cứu, giải phẫu và xét nghiệm theo thiết kế riêng chịu được hóa chất, chống thấm; Bậc cấp, cầu thang lát đá Granite tự nhiên; tường xây gạch không nung; tường khu vệ sinh, hành lang, làm việc ốp gạch Granite cao 1,8m, phần còn lại trát vữa xi măng, bả matit sơn nước; tường phòng X-Quang ốp chì lá dày 2mm; mái bằng BTCT, lát gạch (400x400)mm, chống thấm trước khi lát; Toàn bộ cửa sử dụng cửa khung nhôm dày 1,5mm, kính cường lực dày 8mm đến 10mm; cửa phòng X-Quang thiết kế riêng; đóng trần thạch cao khung xương nổi (600x600)mm các khu vực: hành lang, khu cấp cứu, một số phòng làm việc, khu vệ sinh và hội trường đóng trần thạch cao khung chìm.

- Kết cấu: Thiết kế hệ khung sàn BTCT chịu lực, móng băng giao thoa, chiều sâu chôn móng 2,2m so với mặt đất tự nhiên; cấu kiện chịu lực chính (móng, cột, dầm, sàn, cầu thang) thiết kế bê tông đá 1x2, cấp độ bền B22,5 (mác 300), các cấu kiện khác sử dụng bê tông đá 1x2, cấp độ bền B15 (mác 200); cốt thép có đường kính $\varnothing \leq 10$ sử dụng thép AI, cốt thép có đường kính $\varnothing > 10$ sử dụng thép AIII; móng bó nền xây đá chẻ (15x20x25)cm vữa xi măng mác 75.

8.2. Khoa dinh dưỡng:

- Kiến trúc: Khối nhà cao 01 tầng, kích thước (7,2x18,2)m, chiều cao công trình tính đến đỉnh mái 5,70m, nền nhà cao 0,15m so với cao trình sân; nền nhà lát gạch Granite kích thước (600x600)mm, nền khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trượt (300x300)mm, toàn bộ tường trong nhà ốp gạch men kích thước (300x600)mm cao 1,8m; tường bao che xây gạch không nung vữa xi măng mác M75; mái bằng BTCT trên lợp tôn kẽm dày 0,4mm, xà gồ thép hình C mạ kẽm; cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hộp, kính trắng dày 5mm; toàn nhà hoàn thiện bả matic, sơn nước.

- Kết cấu: Thiết kế móng đơn đặt trên nền đất tự nhiên; kết cấu móng, cột, dầm, sàn mái BTCT toàn khối, sử dụng bê tông cấp bền B15 (M200); cốt thép có đường kính ≥ 10 sử dụng thép AII, cốt thép có đường kính < 10 sử dụng thép AI; móng bó nền xây đá chẻ.

8.3. Nhà thường trực:

- Kiến trúc: Khối nhà cao 01 tầng, kích thước (5,2x3,2)m, chiều cao công trình tính đến đỉnh mái 3,10m, nền nhà cao 0,3m so với cao trình sân; nền lát gạch Granite kích thước (500x500)mm; tường bao che xây gạch không nung vữa xi măng mác M75; mái bằng BTCT trên quét phụ gia chống thấm mái; cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm, kính trắng dày 5mm, hoa inox bảo vệ cửa sổ; toàn nhà hoàn thiện bả matic, sơn nước.

- Kết cấu: Thiết kế móng đơn đặt trên nền đất tự nhiên; kết cấu móng, cột, dầm, sàn mái BTCT toàn khối, sử dụng bê tông cấp bền B15 (M200); cốt thép có đường kính ≥ 10 sử dụng thép AII, cốt thép có đường kính < 10 sử dụng thép AI; móng bó nền xây đá chẻ.

8.4. Nhà đặt máy phát điện:

- Kiến trúc: Khối nhà cao 01 tầng, kích thước (4,2x4,2)m, chiều cao công trình tính đến đỉnh mái 3,70m, nền nhà cao 0,2m so với cao trình sân; nền đổ bê tông đá 2x4, mác M200 dày 20cm; tường bao che xây gạch không nung vữa xi măng mác M75; mái bằng BTCT trên quét phụ gia chống thấm mái; cửa đi sử dụng cửa sắt kéo; toàn nhà hoàn thiện bả matic, sơn nước.

- Kết cấu: Thiết kế móng đơn đặt trên nền đất tự nhiên; kết cấu móng, cột, dầm, sàn mái BTCT toàn khối, sử dụng bê tông cấp bền B15 (M200); cốt thép có đường kính ≥ 10 sử dụng thép AII, cốt thép có đường kính < 10 sử dụng thép AI; móng bó nền xây đá chẻ.

8.5. Bể nước + nhà đặt máy bơm:

- Bể nước: Bể có dung tích 120m³, được đặt âm trong đất nền, kích thước bể (5,0x10,7x3,1)m. Thiết kế kết cấu bể BTCT toàn khối, sử dụng bê tông đá 1x2 cấp bền B20 (M250); cốt thép có đường kính ≥ 10 sử dụng thép AII, cốt thép có đường kính < 10 sử dụng thép AI.

- Nhà đặt máy bơm:

+ Kiến trúc: Được bố trí trên nắp bể nước, khối nhà cao 01 tầng, kích

thước (5,0x3,2)m, chiều cao công trình tính đến đỉnh mái 3,10m, nền nhà cao 0,1m so với cao trình sân; nền đổ bê tông đá 1x2 mác M250 dày 0,1m; tường bao che xây gạch không nung vữa xi măng mác M75; mái bằng BTCT trên quét phụ gia chống thấm mái; cửa đi sử dụng cửa sắt kéo, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm, kính trắng dày 5mm, hoa inox bảo vệ cửa sổ; toàn nhà hoàn thiện bả matic, sơn nước.

+ Kết cấu: Thiết kế móng đơn đặt trên nền đất tự nhiên; kết cấu móng, cột, dầm, sàn mái BTCT toàn khối, sử dụng bê tông cấp bền B15 (M200); cốt thép có đường kính ≥ 10 sử dụng thép AII, cốt thép có đường kính < 10 sử dụng thép AI; móng bó nền xây đá chẻ.

8.6. Sân nền: Sân nền toàn bộ diện tích khu đất khoảng 2.725m², thực hiện đào, san lấp tại chỗ, trong đó phần diện tích đắp khoảng 2.473m², hệ số đầm nén k=0,9, phần diện tích đào san khoảng 252m².

8.7. Sân vườn:

- Sân bê tông phía trước trụ sở: Tổng diện tích sân bê tông khoảng 953m², nền sân đổ BT đá 2x4, mác M200, dày 200mm, cắt khe giãn nhiệt (2x2)m.

- Sân lát gạch phía trước khoa dinh dưỡng: Tổng diện tích sân khoảng 600m², nền sân đổ BT đá 1x2, mác M200, dày 50mm, bên trên lát gạch terrazzo kích thước (400x400)mm.

8.8. Tường rào, cổng ngõ:

- Tường rào: Bố trí dọc theo chu vi khu đất, tổng chiều dài khoảng 295m, trong đó:

+ Đoạn tường rào mặt trước trụ sở dài 31,8m, thiết kế xây gạch lững cao 0,6m, bên trên bố trí song thép hộp mạ kẽm cao 1,4m; móng trụ, trụ tường rào thiết kế BTCT đá 1x2, cấp bền B15(M200); hoàn thiện bả matic, sơn nước.

+ Đoạn tường rào các cạnh còn lại của khu đất dài khoảng 263,2m, thiết kế xây tường gạch block không nung cao 2m; móng trụ, trụ tường rào thiết kế BTCT đá 1x2, cấp bền B15(M200); hoàn thiện bả matic, sơn nước.

- Cổng chính, cổng phụ: Cổng chính rộng 10,7m, cổng phụ rộng 5,7m thiết kế kết cấu móng, cột, mái cổng BTCT toàn khối đá 1x2 cấp bền B15(M200), cốt thép có đường kính ≥ 10 sử dụng thép AII, cốt thép có đường kính < 10 sử dụng thép AI; cửa cổng inox Sus304 dạng xếp cao 2m.

8.9. Hệ thống thoát nước ngoài nhà:

Tuyến cống thoát nước thải từ khối nhà làm việc sử dụng cống tròn BTLT đường kính D300, tuyến ống thoát nước thải từ khối nhà khoa dinh dưỡng sử dụng ống nhựa Upvc đường kính D200. Toàn bộ hệ thống thoát nước được chôn ngầm trong nền đất, độ dốc dọc thoát nước i=0,35%.

8.10. Bể xử lý nước thải:

Toàn bộ nước thải của khối nhà làm việc và khoa dinh dưỡng được xử lý trước khi xả thải ra môi trường, bể xử lý nước thải có kích thước (4,0x7,4x2,9)m, được đặt âm trong đất nền. Thiết kế kết cấu bể BTCT toàn khối, sử dụng bê tông đá 1x2 cấp bền B22,5 (M300); cốt thép có đường kính $\varnothing \geq 10$ sử dụng thép AII, cốt thép có đường kính $\varnothing < 10$ sử dụng thép AI. Bố trí nhà vận hành bên trên nắp bể; thiết kế cột BTCT chịu lực đá 1x2 cấp bền B15(M200), tường xây gạch block bao che, mái lợp tôn kẽm, xà gồ thép hình đỡ mái, đóng trần tấm thả khung xương nổi, cửa đi sử dụng khung nhôm, kính trắng dày 5mm, hoàn thiện bả matic, sơn nước.

8.11. Cấp điện, chiếu sáng, thông gió:

+ Nguồn điện cấp cho dự án lấy từ trạm biến áp 250kVA xây dựng mới trong khuôn viên công trình. Máy phát điện dự phòng công suất 200kVA. Tổng công suất đặt tính toán công trình là 251KW. Dây nguồn chính từ trạm biến áp đến tủ điện tổng sử dụng cáp ngầm tiết diện Cu/XLPE/DSTA/PVC (3x240+1x120)mm², dây nguồn cấp điện đến tủ điện chính nhà làm việc sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC(3x150+1x95)mm².

+ Chiếu sáng bên trong công trình sử dụng đèn Tube Led 1,2m 2x18W, đèn Tube Led 1,2m 18W, chiếu sáng hành lang sử dụng đèn Led vuông 24W kích thước 300x300mm, chiếu sáng khu vệ sinh sử dụng đèn Led Downlight 16W. Chiếu sáng sân vườn sử dụng cột thép mạ kẽm liên cần cao 8m, đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led 107W.

+ Điều hòa không khí và thông gió: Sử dụng máy điều hòa loại treo tường 02 cục công suất từ 9.000BTU/h đến 24.000BTU/h, thông gió bên trong sử dụng quạt trần đảo chiều 55W và quạt treo tường 47W.

8.12. Cấp, thoát nước: Nguồn cấp nước đầu nối từ hệ thống cấp nước chung khu vực, bể nước ngầm cấp nước sinh hoạt và chữa cháy dung tích 120m³ trong khuôn viên công trình. Thiết kế chọn 02 bồn nước đặt trên mái, dung tích mỗi bồn là 5000 lít. Đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa PP-R, đường ống thoát nước sử dụng ống nhựa uPVC.

8.13. Chống sét: Thiết kế chống sét đánh thẳng dùng kim thu sét phóng tia tiên đạo có bán kính bảo vệ cấp 3 là 71m, dây dẫn thoát sét sử dụng cáp đồng trần tiết diện 70mm², cọc tiếp địa sử dụng cọc thép mạ đồng D16 dài 2,4m.

8.14. Hệ thống mạng điện thoại và máy tính: Nguồn cấp tín hiệu được đầu nối từ hệ thống cung cấp dịch vụ khu vực, hệ thống đường dây tín hiệu được đi trong thang cáp trong hộp kỹ thuật, Trunking trên trần hành lang và đi rong ống nhựa ngầm trong tường.

8.15. Hệ thống PCCC: Thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy và báo cháy tự động.

8.16. Đường dây 22kv và trạm biến áp: Thiết kế hệ thống dây dẫn trung áp cấp điện cho trạm biến áp 250kVA.

8.17. Thiết bị: Thiết bị thang máy, điều hòa không khí, trạm biến áp, máy phát điện; thiết bị y tế và thiết bị hệ thống xử lý nước thải.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **50.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	31.243.002.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	6.621.991.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.006.229.000	đồng
- Chi phí tư vấn:	2.494.950.000	đồng
- Chi phí khác:	1.522.002.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	7.111.825.000	đồng

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, giao chủ đầu tư:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng dự toán được duyệt, sớm đưa công trình vào khai thác, phát huy có hiệu quả.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 2069/SXD-QLXD ngày 10/7/2019.

3. Thực hiện tiết kiệm chi 10% tổng mức đầu tư dự án theo quy định tại Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi, Giám đốc Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(KGVX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX(HQ199).

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng